TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC SƠN** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST
Ngày 21-9-2022
V/v hủy kết hôn trái pháp luật

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét sử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Phạm Công Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Văn Trường

Bà Lường Thị Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa*:** Bà Dương Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2022 về việc hủy kết hôn trái pháp luật theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXX-ST ngày 11 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số:12/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Dương Công C, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Dương Thị T, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Văn C, Công chức Tư pháp hộ tịch xã C, huyện B, tỉnh Lạng Sơn (Theo văn bản ủy quyền ngày 08 tháng 6 năm 2022). có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn yêu cầu, bản tự khai trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Dương Công C trình bày:

Anh Dương Công C kết hôn với chị Dương Thị T năm 2002, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện B vào ngày 06/12/2002. Thời điểm đăng ký kết hôn anh Dương Công C chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nhưng vì thiếu hiểu biết pháp luật nên anh đã đi đăng ký kết hôn. Sau đó, anh Dương Công C và chị Dương Thị T được Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh L đã cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 15 ngày 06/12/2002. Thời gian đầu chung sống tình cảm vợ chồng bình thường. Đến năm 2010 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi chửi nhau, không có tiếng nói chung. Sau đó chị T bỏ đi làm công ty, chị T rất ít khi về thăm gia đình. Vợ chồng anh Dương Công C đã sống ly thân với nhau từ năm 2021 đến nay, không ai còn quan tâm gì đến nhau. Hiện nay anh Dương Công C yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật với chị Dương Thị T.

Về con chung: Có 01 người con chung tên là Dương Công L, sinh ngày 01/9/2004. Khi hủy việc kết hôn trái pháp luật, trong quá trình giải quyết anh Dương Công C yêu cầu được nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu chị Dương Thị T cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa xét xử cháu Dương Công L đã đủ tuổi trưởng thành nên anh Dương Công C không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về phía bị đơn chị Dương Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án tham gia tố tụng. Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú và được gia đình chị Dương Thị T cho biết: Chị Dương Thị T và gia đình đã nhận được thông báo và giấy triệu tập của Tòa án triệu tập chị Dương Thị T đến Tòa án để giải quyết việc anh Dương Công C yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật với chị Dương Thị T, tuy nhiên do chị Dương Thị T bận làm ăn nên không về Tòa án giải quyết được, chị Dương Thị T có ý kiến: Về quan hệ hôn nhân đồng ý hủy kết hôn trái pháp luật với anh Dương Công C; về con chung có 01 con chung tên là Dương Công L, sinh ngày 01/9/2004, đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, người đại diện theo ủy quyền ông Dương Văn C có ý kiến như sau: Qua kiểm tra sổ đăng ký kết hôn (quyển số 01/1999) và các quy định của luật Hôn nhân và gia đình, Ủy ban nhân dân xã C nhận thấy trường hợp tại thời điểm năm 2002 anh Dương Công C, sinh ngày 06/12/1983 mới đủ 19 tuổi. Do sơ suất Ủy ban nhân dân xã C đã đăng ký kết hôn cho anh Dương Công C và chị Dương Thị T khi anh Dương Công C chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định. Vì vậy, Ủy ban nhân dân xã C, huyện B đề nghị Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Dương Công C và chị Dương Thị T.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn chị Dương Thị T không đến Tòa án tham gia vào quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Dương Công C có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát huyện Bắc Sơn phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 48, 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn anh Dương Công C đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự như: Thực hiện quyền khởi kiện; nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình; có mặt tham gia phiên tòa sơ thẩm. Bị đơn chị Dương Thị T vắng mặt tại Tòa án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, do vậy chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Dương Công C và chị Dương Thị T. Về con chung: Có 01 người con chung tên là Dương Công L, sinh ngày 01/9/2004. Hiện nay con chung đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết; về nợ chung: Không có. Về án phí: Anh Dương Công C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Dương Công C khởi kiện yêu cầu giải quyết hủy việc kết hôn trái pháp luật. Vì vậy quan hệ pháp luật là "Hủy việc kết hôn trái pháp luật" theo khoản 7 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Dương Thị T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở tại thôn B, xã C, huyện B. Do đó, căn cứ Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, Thông báo mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

[2] Bị đơn chị Dương Thị T vắng mặt tại phiên tòa xét xử lần thứ hai không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Dương Thị T là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Dương Công C và chị Dương Thị T là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký hôn tại Ủy ban nhân dân xã

C, huyện B, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 06/12/2002. Căn cứ vào những chứng cứ thu thập được như giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu thấy rằng anh Dương Công C, sinh ngày 06/12/1983. Ngày 06/12/2002 anh Dương Công C đăng ký kết hôn với chị Dương Thị T thì anh Dương Công C mới đủ 19 tuổi là chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Nay anh Dương Công C yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật với chị Dương Thị T. Do đó, căn cứ theo khoản 2, 4 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Dương Công C và chị Dương Thị T.

[4] Về con chung: Có 01 người con chung tên là Dương Công L, sinh ngày 01/9/2004. Trong quá trình giải quyết hủy việc kết hôn trái pháp luật anh Dương Công C yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không yêu cầu chị Dương Thị T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, hiện nay đến ngày xét xử con chung đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) nên anh Dương Công C không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Anh Dương Công C không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị Dương Thị T vắng mặt, không có ý kiến gì. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Anh Dương Công C trình bày là không có, quá trình giải quyết vụ án chị Dương Thị T vắng mặt, không có ý kiến gì. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Dương Công C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) để sung vào Ngân sách Nhà nước. Xác nhận anh Dương Công C đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0002737 ngày 26 tháng 5 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ khoản 6 Điều 3; Điều 8; Điều 11; Điều 12 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a, khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Dương Công C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Dương Công C và chị Dương Thị T theo giấy chứng nhận kết hôn số 15, ngày 06 tháng 12 năm 2002 của Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

2. Về con chung: Có 01 người con chung tên là Dương Công L, sinh ngày 01/9/2004. Do con chung đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) anh Dương Công C không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu xem xét giải quyết.

4, Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Anh Dương Công C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước. Xác nhận anh Dương Công C đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/002737 ngày 26 tháng 5 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt nguyên đơn anh Dương Công C, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã C, huyện B có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn chị Dương Thị T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã Chiêu Vũ, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Công Đức